

QUI MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, GIÁO VIÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Báo cáo số 123 /BC-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2025 của UBND đặc khu)

TT	Nội dung	Tổng số giai đoạn 2026-2030			Trong đó:														
		Số HS	Số lớp	Số Giáo viên	Năm 2026 (Số liệu NH 2026-2027)			Năm 2027 (Số liệu NH 2027-2028)			Năm 2028 (Số liệu NH 2028-2029)			Năm 2029 (Số liệu NH 2029-2030)			Năm 2030 (Số liệu NH 2030-2031)		
					Số HS	Số lớp	Số Giáo viên	Số HS	Số lớp	Số Giáo viên	Số HS	Số lớp	Số Giáo viên	Số HS	Số lớp	Số Giáo viên	Số HS	Số lớp	Số Giáo viên
I	Mầm non	2.696	42	88	1.010	42	88	1.015	42	88	1.010	42	87	1.012	42	87	1.016	42	87
1	Trường MN An Hải	286	12	25	280	12	25	285	12	25	280	12	24	282	12	24	286	12	24
2	Trường MN An Vĩnh	2.100	18	38	420	18	38	420	18	38	420	18	38	420	18	38	420	18	38
3	Trường Mầm non Lý Sơn	310	12	25	310	12	25	310	12	25	310	12	25	310	12	25	310	12	25
II	Tiểu học	8.551	319	520	1.710	64	104	1.715	64	104	1.702	63	104	1.706	64	104	1.708	64	104
1	Trường TH số I An Vĩnh	2.861	105	180	570	21	36	575	21	36	572	21	36	571	21	36	573	21	36
2	Trường Tiểu học số II An Vĩnh	2.300	95	155	460	19	31	460	19	31	460	19	31	460	19	31	460	19	31
3	Trường tiểu học An Hải	3.390	119	185	680	24	37	680	24	37	670	23	37	675	24	37	675	24	37
II	THCS	7.077	206	229	1.444	42	85	1.400	41	85	1.411	41	85	1.415	41	85	1.407	41	85
1	Trường THCS An Hải	2.800	81	180	543	16	36	551	16	36	555	16	36	561	16	36	590	17	36
2	Trường THCS An Vĩnh	4.277	125	49	901	26	49	849	25	49	856	25	49	854	25	49	817	24	49